

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ CAO**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIGH-TECH AGRICULTURE AND SERVICES INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TASICO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108783620

3. Ngày thành lập: 12/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà văn phòng Indochina Plaza Hà Nội, số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986 616 111

Fax:

Email: tasico@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
2.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
3.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
4.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
5.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
14.	Bán buôn tổng hợp	4690
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
19.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
20.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4791
22.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
23.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
24.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô;	4932
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
30.	Bốc xếp hàng hóa	5224
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Cơ sở lưu trú khác	5590
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
39.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213

42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
43.	Quảng cáo	7310
44.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
45.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý; - Kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	7490(Chính)
46.	Hoạt động thú y	7500
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
49.	Đại lý du lịch	7911
50.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
51.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
52.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	8299
54.	Trồng lúa	0111
55.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
56.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
57.	Trồng cây mía	0114
58.	Trồng cây lấy sợi	0116
59.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
60.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
61.	Trồng cây hàng năm khác	0119
62.	Trồng cây ăn quả	0121
63.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

64.	Trồng cây điều	0123
65.	Trồng cây lâu năm khác	0129
66.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
67.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
68.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
69.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
70.	Chăn nuôi gia cầm	0146
71.	Chăn nuôi khác	0149
72.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
73.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
74.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
75.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
76.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
77.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
78.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
79.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
80.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
81.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
82.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
83.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
84.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
85.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
86.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
87.	Sản xuất đường	1072

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU QUANG TUẤN	Tổ 4 cụm 1, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	012205876	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
2	ĐẶNG VĂN MẠNH	Tổ 2, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	045098181	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
3	BÙI MINH KHÁNH	903 A1, Đường Đèn Lừ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	18,000	013329772	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	18,000		
4	ĐOÀN ĐỨC PHI	Số 8/46 Ngõ Hòa Bình 7, đường Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	001078000683	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
5	ĐOÀN ANH ĐỨC	P35- Nhà A14 Bắc NT, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	22,000	013579535	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	22,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN ANH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 26/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013579535

Ngày cấp: 20/11/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P35- Nhà A14 Bắc NT, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P35- Nhà A14 Bắc NT, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội